



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cấp nước Bến Thành

Ngày 30/09/2025	66,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.6%	32.6%	42.1%

DT thuần Q3/25
137
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00 -2.1%
YoY: ▼2.00 -1.3%

LN thuần Q3/25
15.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.40 29.2%
YoY: ▼3.30 -18.1%

LN sau thuế Q3/25
12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.06 33.3%
YoY: ▼2.60 -18.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
11.1%
YoY: +/-▲ 2.9%

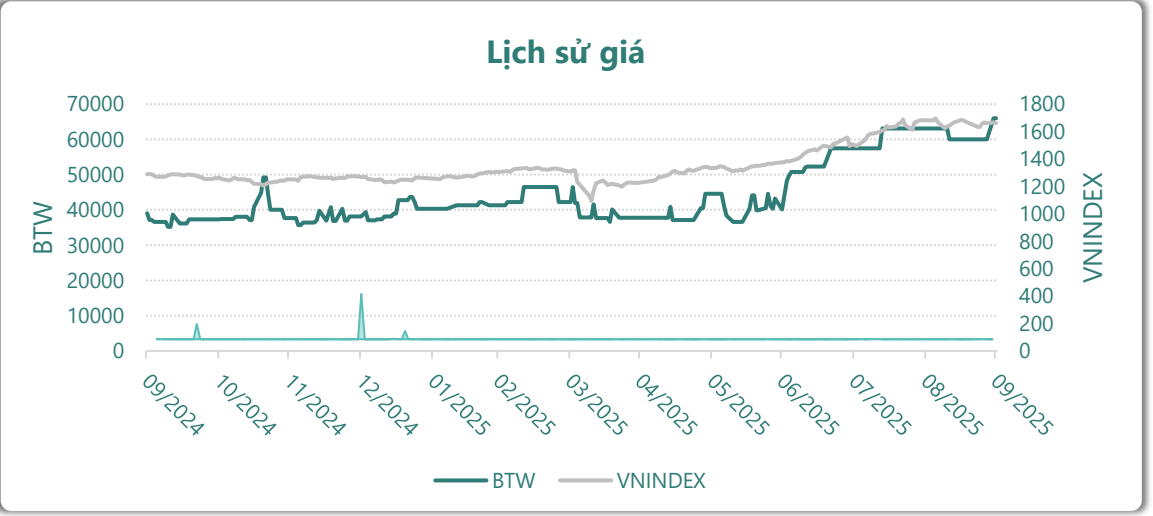
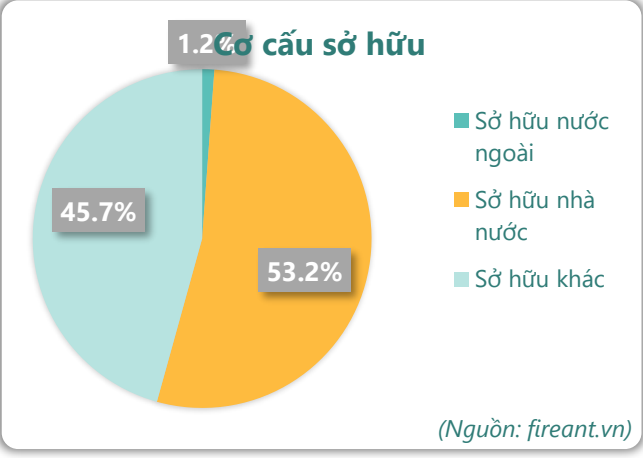
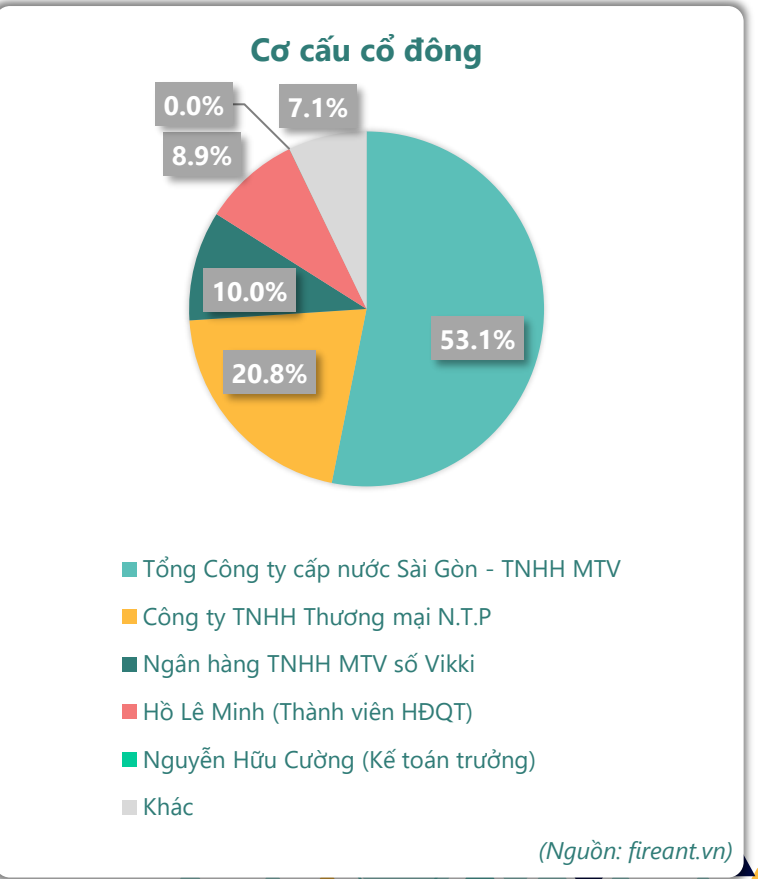
ROE (TTM) Q3/25
11.5%
YoY: +/-▼ 1.7%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	35,199 - 66,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	618
Số lượng CPLH (CP)	9,360,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,355
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	0.40
EPS	3,233
P/E	20.4

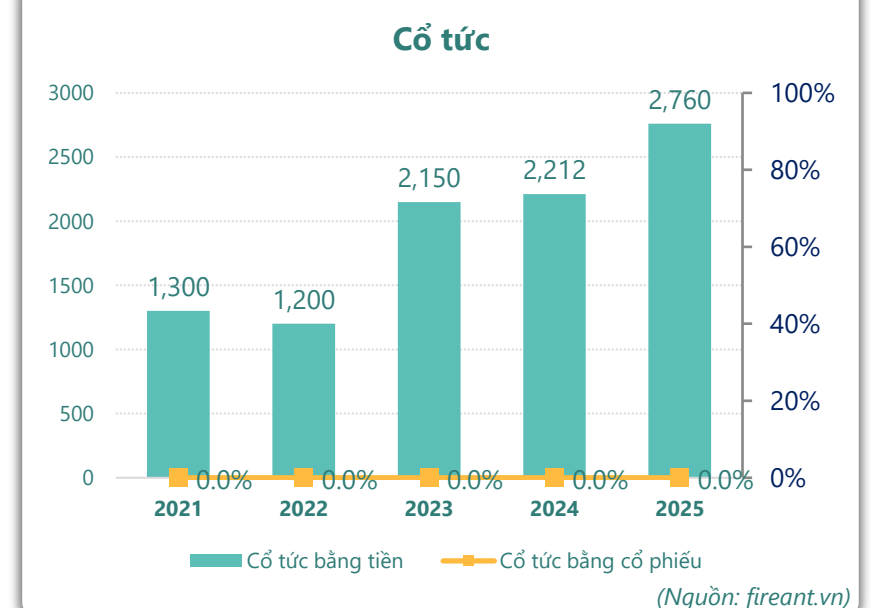
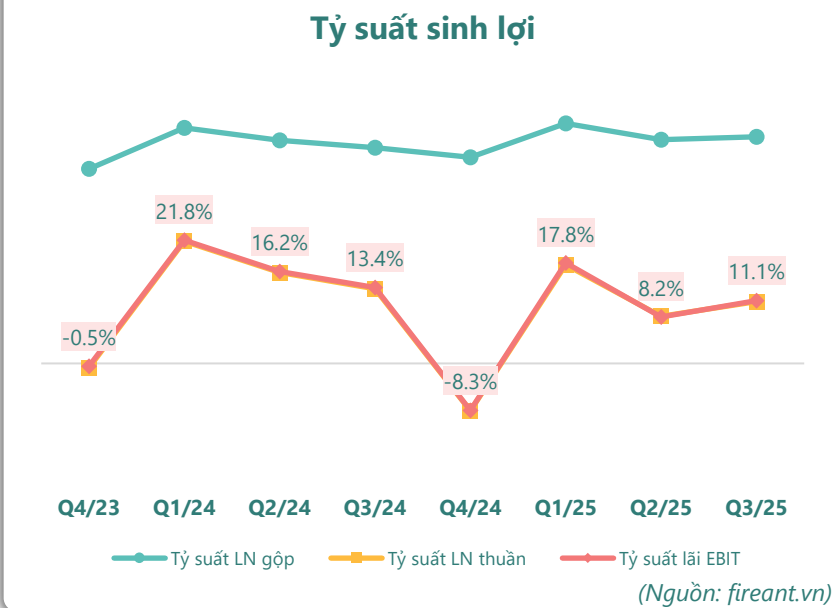
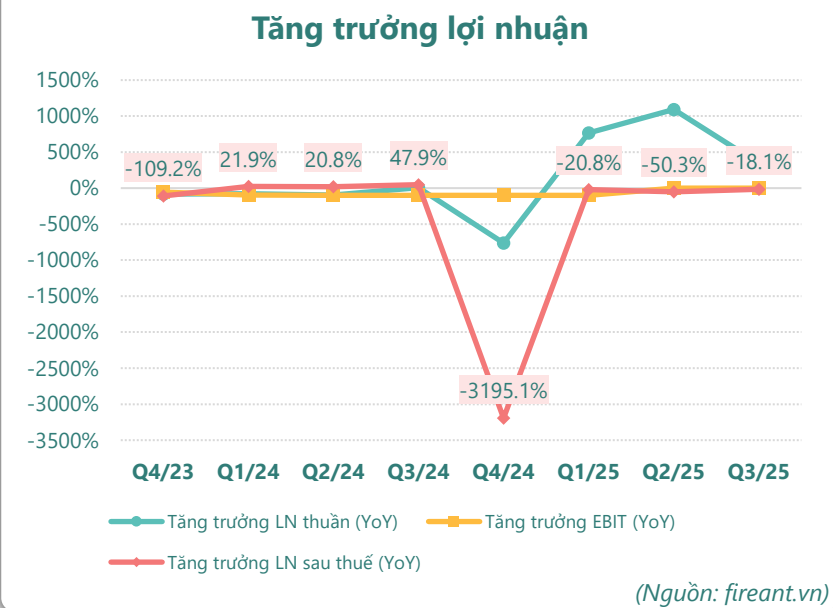
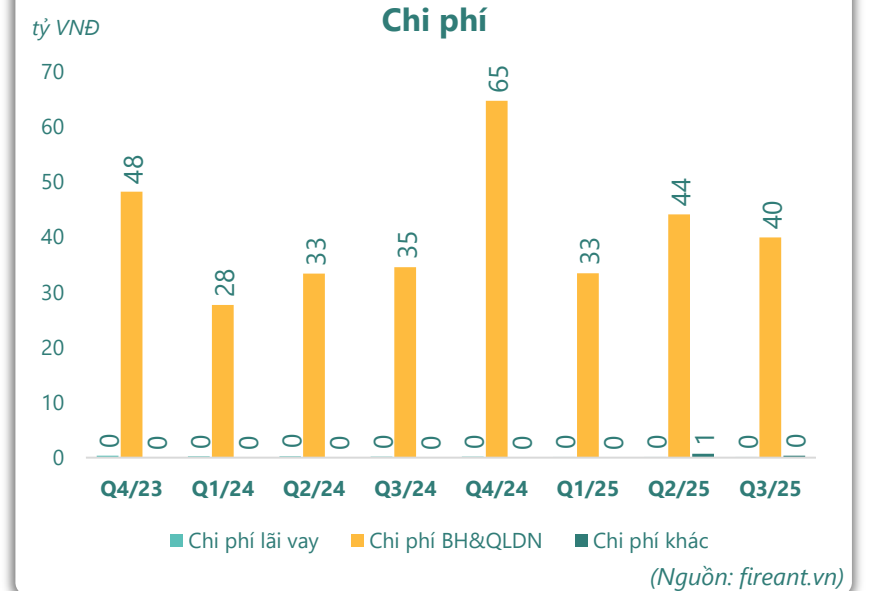
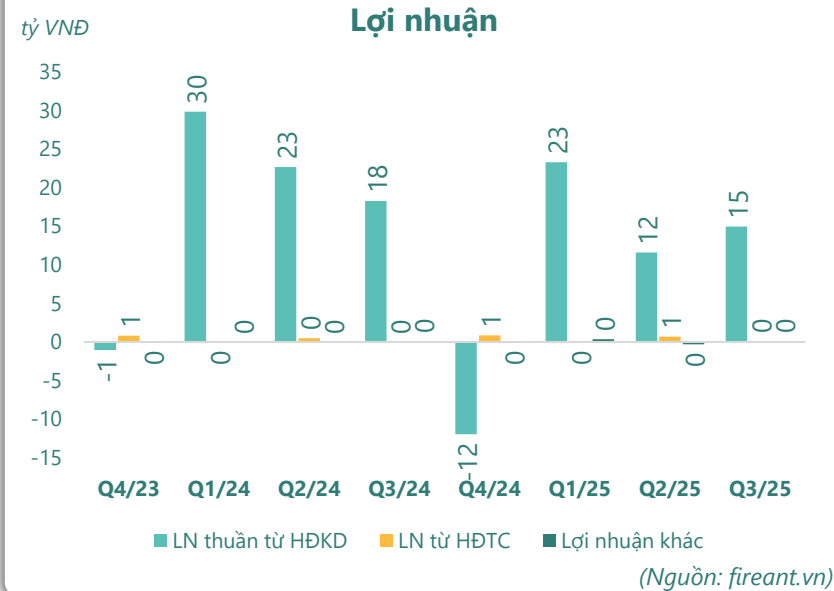
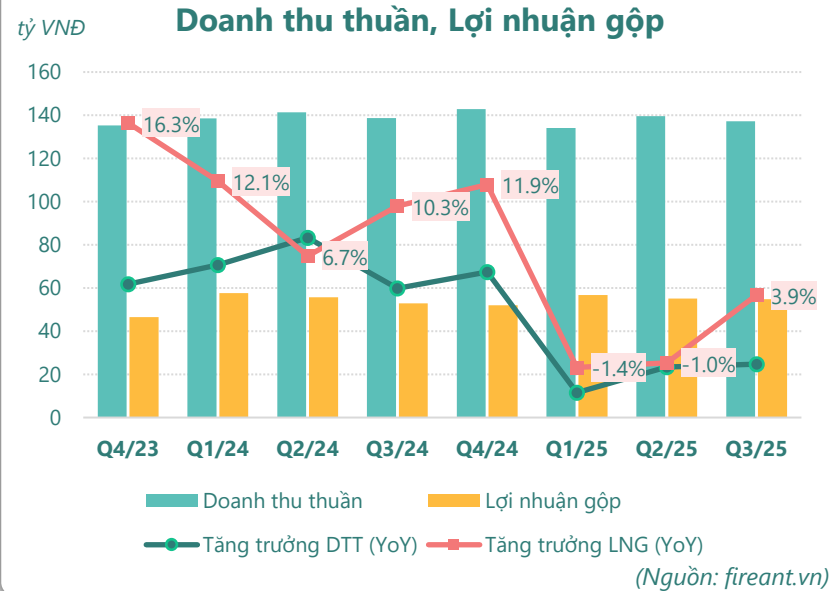
DT thuần 9T 2025
411
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.00 -1.9%

LN thuần 9T 2025
49.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.0 -29.6%

LN sau thuế 9T 2025
40.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.8 -29.6%



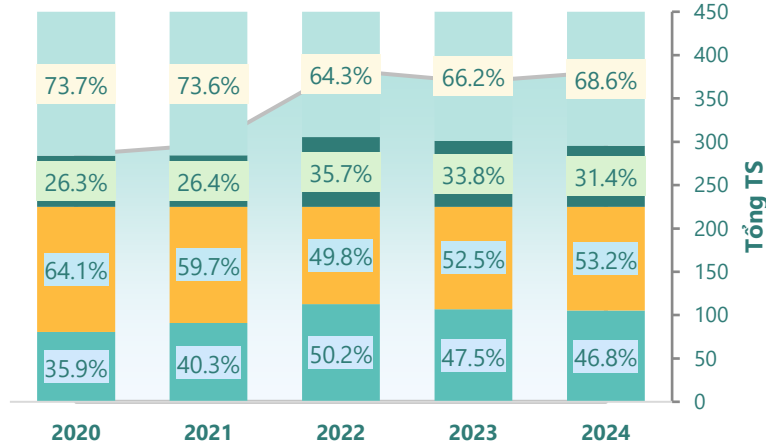
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

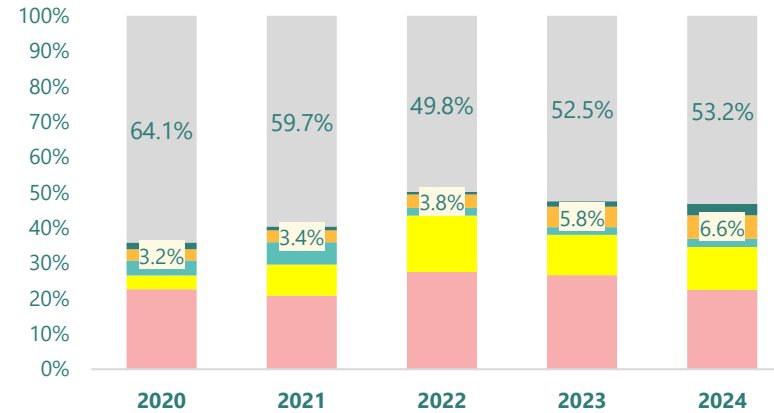
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

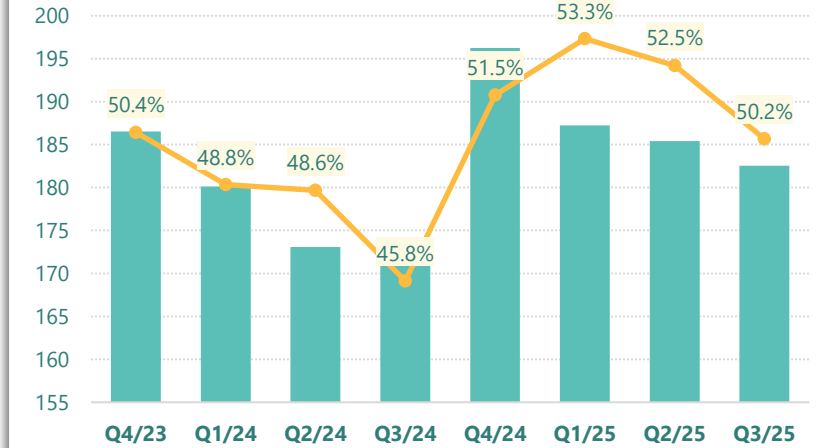


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

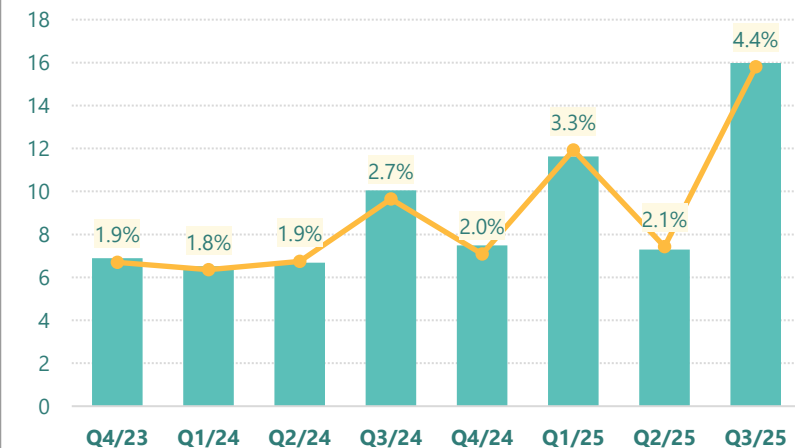


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

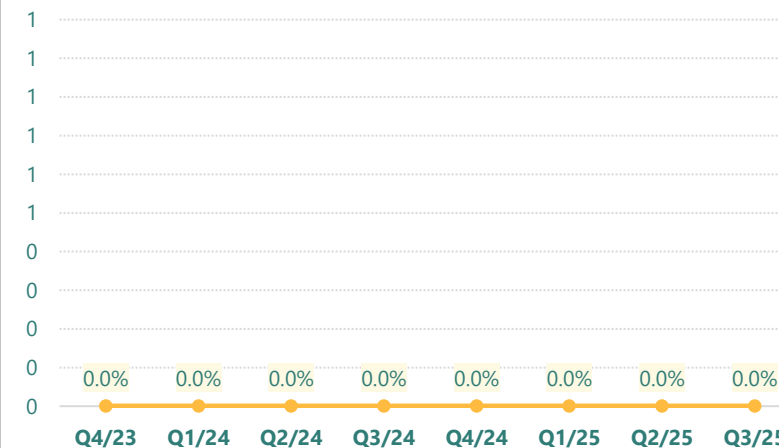


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

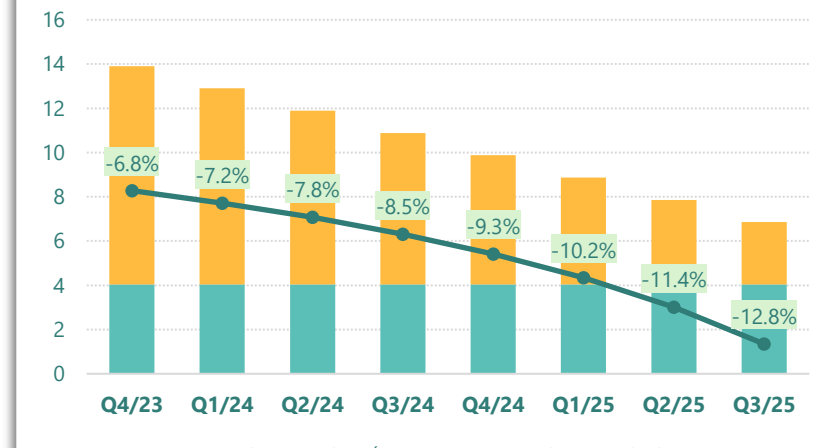


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

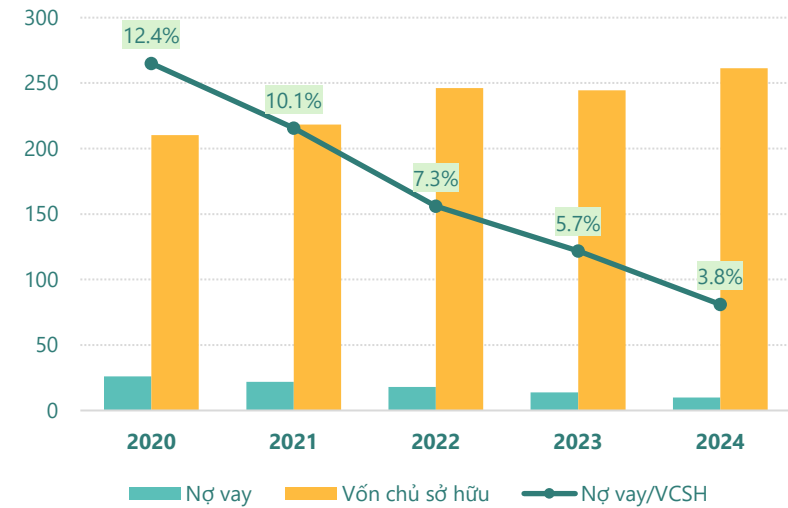
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

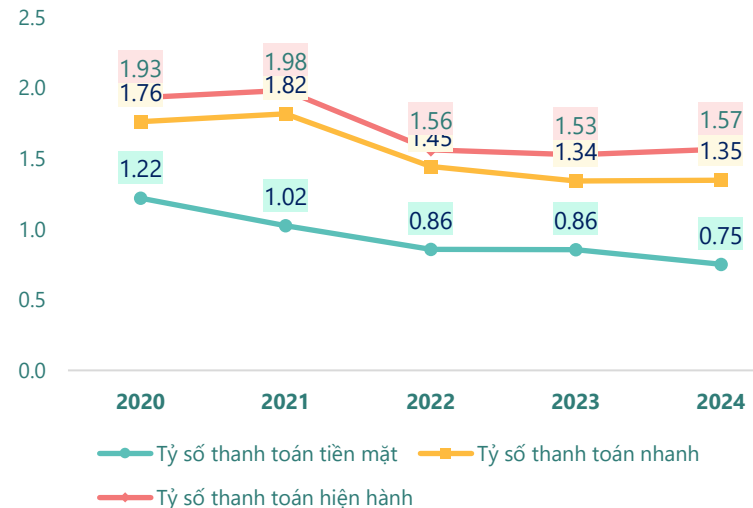
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



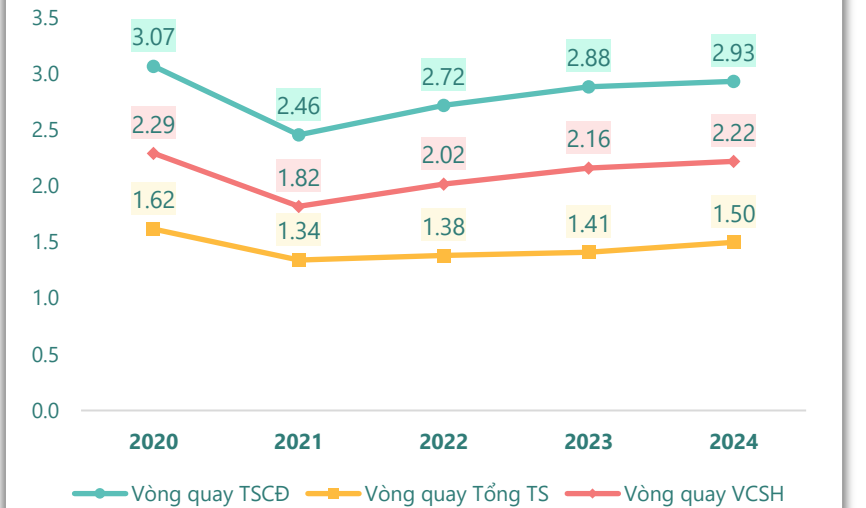
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



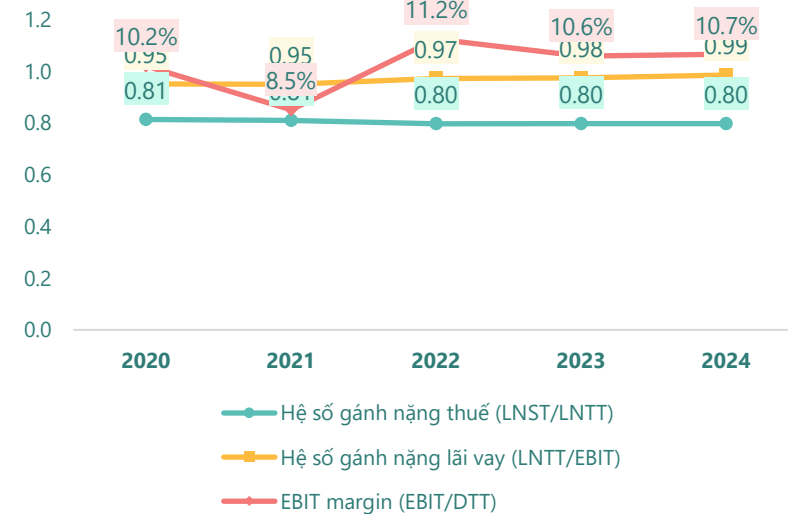
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



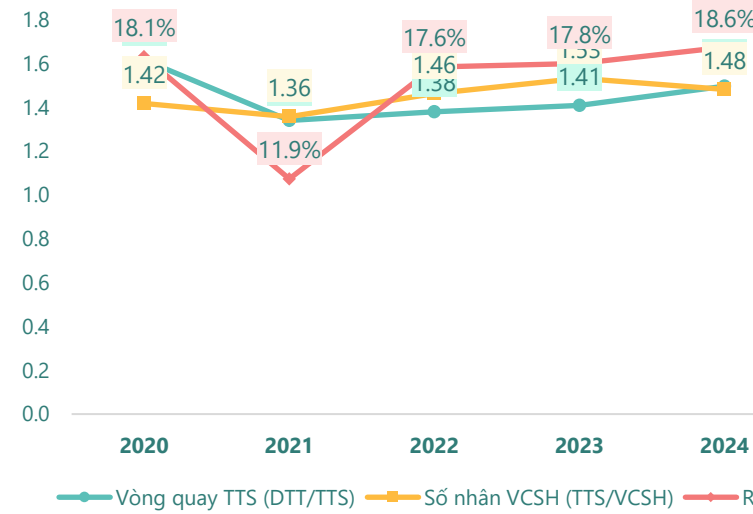
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



(Nguồn: fireant.vn)

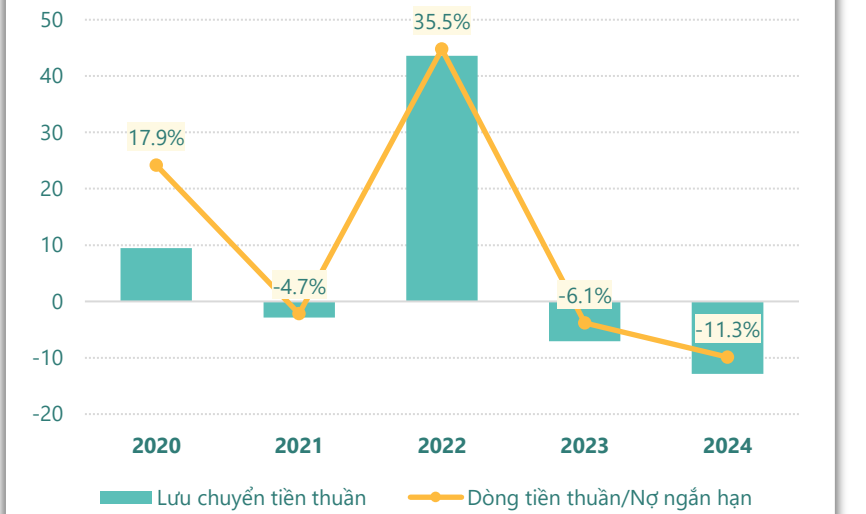
Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	137	139	-1.3%	411	419	-1.9%
Giá vốn hàng bán	82.3	85.9	-4.2%	244	253	-3.4%
Lợi nhuận gộp	54.9	52.8	3.9%	167	166	0.4%
Doanh thu HĐTC	0.22	0.24	-9.3%	1.19	1.16	2.5%
Chi phí TC	0.12	0.19	-35.8%	0.41	0.66	-38.0%
Chi phí lãi vay	0.12	0.19	-35.8%	0.41	0.66	-38.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	25.0	21.2	18.0%	69.8	55.7	25.3%
Chi phí QLDN	15.0	13.4	11.7%	47.9	40.0	19.5%
LN thuần từ HĐKD	15.0	18.3	-18.1%	49.9	70.9	-29.6%
Lợi nhuận khác	0.08	0.10	-15.7%	0.16	0.18	-8.0%
LN trước thuế	15.1	18.4	-18.1%	50.0	71.0	-29.6%
Lợi nhuận sau thuế	12.1	14.7	-18.0%	40.0	56.8	-29.6%
LNST của CĐ cty mẹ	12.1	14.7	-18.0%	40.0	56.8	-29.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.37	33.0	-1.05	4.18	15.7	35.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.52	-15.7	-7.43	-23.3	17.2	-35.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.7	-0.94	-9.20	-1.01	-8.85	-18.6
Tiền đầu kỳ	115	86.8	103	85.4	65.3	89.4
Lưu chuyển tiền thuần	-28.6	16.3	-17.7	-20.1	24.1	-18.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	86.8	103	85.4	65.3	89.4	70.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	364	381	-4.4%
Tài sản ngắn hạn	164	178	-7.7%
Tiền và tương đương tiền	70.5	85.4	-17.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.1	46.1	-10.8%
Phải thu ngắn hạn	17.5	9.21	90.0%
Hàng tồn kho	30.0	25.1	19.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.21	12.3	-57.7%
Tài sản dài hạn	200	203	-1.5%
Phải thu dài hạn	0.18	0.37	-50.9%
Tài sản cố định	183	196	-7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.0	5.58	186%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.83	0.23	267%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	104	119	-13.0%
Nợ ngắn hạn	101	114	-11.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.03	4.03	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.7	66.5	-80.8%
Nợ dài hạn	2.82	5.84	-51.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.82	5.84	-51.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	260	261	-0.5%
Vốn chủ sở hữu	260	261	-0.5%
Vốn điều lệ	93.6	93.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

